

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 8

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Một hình tròn có bán kính 16 cm. Đường kính hình tròn đó là:

- A. 32 cm B. 8 cm C. 4 cm D. 20 cm

Phương pháp

Đường kính hình tròn = bán kính $\times 2$

Cách giải

Đường kính hình tròn là $16 \times 2 = 32$ (cm)

Đáp án: A

Câu 2: Trong một năm những tháng dương lịch có 31 ngày là:

- A. Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7
B. Tháng 9, tháng 11, tháng 12
C. Tháng 8, tháng 10, tháng 12
D. Cả 2 ý A và C đúng

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về ngày, tháng để chọn đáp án đúng.

Cách giải

Các tháng có 31 ngày là Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 8, tháng 10, tháng 12

Đáp án: D

Câu 3: Giá trị của biểu thức $138 - 30 : 6$ là:

- A. 133 B. 132 C. 48 D. 18

Phương pháp

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Cách giải

$$138 - 30 : 6 = 138 - 5 = 133$$

Đáp án: A

Câu 4: An nghĩ một số. Biết rằng số đó gấp 3 lần thì bằng số lớn nhất có hai chữ số. Số An đã nghĩ là:

- A. 22 B. 33 C. 99 D. 297

Phương pháp

Bước 1: Tìm số lớn nhất có hai chữ số

Bước 2: Số An nghĩ = số lớn nhất có hai chữ số : 3

Cách giải

Số lớn nhất có hai chữ số là 99.

Số An đã nghĩ là: $99 : 3 = 33$

Đáp án: B

Câu 5: Bạn Mai được bố cho 50 000 đồng. Mai mua 3 quyển truyện, mỗi quyển 5 000 đồng, mua 1 bưu thiếp 15 000 đồng và 1 cái bút giá 5 000 đồng. Cô bán hàng phải trả lại cho Mai 2 tờ giấy bạc.

Hỏi 2 tờ giấy bạc đó thuộc loại nào?

A. 2 tờ giấy bạc loại 10 000 đồng

B. 2 tờ giấy bạc loại 5 000 đồng

C. 1 tờ giấy bạc loại 5 000 đồng và 1 tờ giấy bạc loại 10 000 đồng

D. 1 tờ giấy bạc loại 5 000 đồng và 1 tờ giấy bạc loại 20 000 đồng

Phương pháp

Bước 1. Tìm số tiền Mai mua hàng

Bước 2: Tìm số tiền cần trả lại

Cách giải

Số tiền Mai mua hàng là $5000 \times 3 + 15\,000 + 5\,000 = 35\,000$ (đồng)

Cô bán hàng phải trả lại cho Mai số tiền là:

$50\,000 - 35\,000 = 15\,000$ (đồng)

Vậy 2 tờ giấy bạc được trả lại có mệnh giá là 5 000 đồng và 10 000 đồng.

Đáp án: C

Câu 6: Chu vi hình vuông là 172 cm, độ dài cạnh của hình vuông là:

A. 86 cm

B. 43 cm

C. 128 cm

D. 32 cm

Phương pháp

Độ dài cạnh của hình vuông = chu vi : 4

Cách giải

Độ dài cạnh của hình vuông là: $172 : 4 = 43$ (cm)

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$13\,946 + 3\,524$

$80\,253 - 5\,739$

$5\,207 \times 4$

$40\,096 : 7$

Phương pháp

- Đặt tính

- Với phép cộng, trừ, nhân: Thực hiện lần lượt từ phải sang trái; Với phép chia thực hiện từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 13946 \\ + 3524 \\ \hline 17470 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80253 \\ - 5739 \\ \hline 74514 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5207 \\ \times 4 \\ \hline 20828 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40096 \overline{) 7} \\ 50 \overline{) 5728} \\ 19 \\ 56 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2: Tìm x biết:

$$x \times 6 = 236 + 52$$

$$12\,350 : x = 5$$

Phương pháp

- Tính giá trị về phải nếu có
- Muốn tìm thừa số chưa biết, ta lấy tích chia cho thừa số kia
- Muốn tìm số chia, ta lấy số bị chia chia cho thương

Cách giải

$$x \times 6 = 236 + 52$$

$$x \times 6 = 288$$

$$x = 288 : 6$$

$$x = 48$$

$$12\,350 : x = 5$$

$$x = 12\,350 : 5$$

$$x = 2470$$

Câu 3: Một hình chữ nhật có chu vi là 56 cm, chiều rộng là 9 cm. Diện tích hình chữ nhật là bao nhiêu?

Phương pháp

Bước 1: Tìm chiều dài = (chu vi : 2) – chiều rộng

Bước 2: Diện tích hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

Cách giải

Chiều dài hình chữ nhật là

$$56 : 2 - 9 = 19 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là

$$19 \times 9 = 171 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 171 cm²

Câu 4: Có một thùng dầu chứa 230 lít dầu. Người ta lấy dầu từ thùng đó rót vào 25 can, mỗi can 5 lít. Hỏi thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

Phương pháp

Bước 1. Tìm số lít dầu đã rót = Số lít dầu trong mỗi can x số can

Bước 2: Tìm số lít dầu còn lại = Số lít dầu ban đầu - số lít dầu đã rót

Cách giải

Số lít dầu đã rót ra là:

$$25 \times 5 = 125 \text{ (lít)}$$

Thùng còn lại số lít dầu là:

$$230 - 125 = 105 \text{ (lít)}$$

Đáp án: 105 lít